

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC, ÔN TẬP, LÀM BÀI KIỂM TRA Ở NHÀ, NGỮ VĂN 11

I. ÔN TẬP:

A. Nghị luận xã hội:

1. Nghị luận về một tư tưởng đạo lí

- Về nhận thức (lí tưởng, mục đích sống, ước mơ, lẽ sống lớn, niềm tin yêu cuộc sống, tự tin, lạc quan, nghị lực, ý chí, khát vọng ...)
- Về tâm hồn, tính cách (yêu nước, nhân ái, vị tha, nhân hậu, bao dung, độ lượng; bản lĩnh, trung thực, dũng cảm, chăm chỉ, cần cù, thái độ hoà nhã, khiêm tốn; giản dị, thói ích kỉ, ba hoa, vụ lợi...)
- Về mối quan hệ gia đình: Tình mẫu tử, phụ tử, tình anh em
- Về mối quan hệ xã hội: Tình thầy trò, bạn bè, tình làng nghĩa xóm, đồng nghiệp, tình đồng loại, quan hệ trên dưới, quan hệ thân-quen...
- Về cách giao tiếp, ứng xử, hành động, ăn nói..... của mỗi người trong cuộc sống: sự đồng cảm, sẻ chia, sống đẹp.....
- Các thao tác cơ bản thường sử dụng: giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh, bác bỏ, bình luận.

2. Nghị luận về một hiện tượng đời sống:

a/ Hiện tượng tốt :

- + Hiến máu nhân đạo; Quyên góp giúp đỡ nạn nhân nhiễm chất độc màu da cam; Quyên góp giúp đỡ đồng bào lũ lụt...
- + Phong trào mùa hè xanh, Quỹ thắp sáng ước mơ...
- + Mái ấm tình thương, ngôi nhà tình nghĩa, ngôi nhà mơ ước....

b/ Hiện tượng xấu:

- + Ô nhiễm môi trường, tai nạn giao thông...
- + Bệnh thành tích; sự vô cảm....
- + Bệnh quay cóp trong thi cử...
- + Tình trạng bạo lực học đường, nghiện game...

c/ Đề bài luyện tập:

- **Đề 1.** Suy nghĩ của anh (chị) khi nghe tin những cánh rừng vẫn tiếp tục bị cháy.

- **Đề 2.** Anh (chị) sẽ nói những gì với người bạn thân đã trót nghiện thuốc lá ?

- **Đề 3:** Từ ý kiến dưới đây, anh chị suy nghĩ gì về việc: “Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới”?

“Cái mạnh của con người Việt Nam là sự thông minh và nhạy bén với cái mới....Nhưng bên cạnh cái mạnh đó vẫn tồn tại không ít cái yếu. Ấy là những lỗ hổng về kiến thức cơ bản do thiên hướng chạy theo những môn học “thời thượng”, nhất là khả năng thực hành và sáng tạo bị hạn chế do lối học chay, học vẹt nặng nề...”

(Theo Vũ Khoan, *Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới*)

- **Đề 4:** Các-Mác từng nhận định “Tình bạn chân chính là viên ngọc quý”. Hãy nêu cách giữ gìn tình bạn

- **Đề 5:** Hãy trình bày quan điểm của mình trước cuộc vận động “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục”.

- **ĐỀ 6:** Các Mác nói: “mọi tiết kiệm, suy cho cùng là tiết kiệm thời gian”. Anh (chị) hãy giải thích và làm sáng tỏ câu nói trên.

B. NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

I. CÁC VĂN BẢN VĂN HỌC.

Bài 1: BÀI VỘI VÀNG (Xuân Diệu),

I. Tác giả, tác phẩm:

1. **Tác giả :** Xuân Diệu là nghệ sĩ lớn, nhà văn hóa lớn, có sức sáng tạo mãnh liệt, bền bỉ và sự nghiệp văn học phong phú

2. **Tác phẩm:** Rút từ tập : Thơ thơ(1938), tập thơ đầu tay cũng là tập thơ khẳng định vị trí của Xuân Diệu – thi sĩ “**mới nhất trong các nhà thơ mới**”

II. Nội dung, nghệ thuật của bài thơ :

1. Tình yêu cuộc sống trần thế tha thiết.

a/Khát vọng của Xuân Diệu.

Tôi muốn:

- Tắt nắng -> cho màu đừng nhạt

- Buộc gió -> cho hương đừng bay đi

Điệp từ, động từ mạnh “tắt, buộc” -> Thể hiện một ý muốn quá táo bạo, muốn đoạt quyền của tạo hóa, muốn ngăn thời gian, chặn sự già nua, tàn tạ để giữ mãi hương sắc, giữ cái đẹp của trần thế.

==> Ý tưởng có vẻ “ngông cuồng” xuất phát từ một trái tim yêu cuộc sống tha thiết, say mê.

b/Tâm trạng vui tươi trước cảnh sắc thiên nhiên:

- Điệp từ “này đây” liên tục, dồn dập -> thể hiện tiếng reo vui của tác giả trước sự bất tận của thiên nhiên khi mùa xuân tới.

Nào là: *Ong bướm – tuần tháng mật; Hoa – đồng nội xanh rì; Lá – cành tơ phấp phới; Yến anh – khúc tình si; Anh sáng – chớp hàng mi*

- Nhịp thơ nhanh gấp gáp, từ ngữ giàu hình ảnh -> Tất cả đang ở thời kì xung mãn nhất, sức sống căng đầy nhất. Mùa xuân tươi đẹp tràn đầy hương sắc.

- “*Tháng giêng ngon như một cặp môi gần*”. Cách so sánh độc đáo, táo bạo, bất ngờ đầy sức khơi gợi. Gợi ra nét đẹp mơn mớn tơ non, đầy sức sống và vô cùng quyến rũ không thể nào cưỡng lại được của cuộc sống, của mùa xuân.

==> **Trong đôi mắt Xuân Diệu, cuộc sống xung quanh đầy sức sống, thiên nhiên đầy xuân sắc, xuân tình. Nhà thơ khao khát đón nhận tất cả.**

2. Nỗi băn khoăn trước thời gian và cuộc đời.

- “Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa

Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân”

==> Nhà thơ bỗng hoài xuân, tiếc xuân khi mùa xuân chỉ mới vừa bắt đầu.

- Nhà thơ cảm nhận rất rõ bước đi của thời gian trong hơi thở của đất trời, bởi những gì đẹp nhất của mùa xuân, của tuổi trẻ, của tình yêu rồi sẽ ra đi không trở lại

--> gợi sự băng khuâng tiếc nuối khi nhận ra giới hạn của cuộc đời.

- “*Xuân đương tới nghĩa là xuân đương qua*

Xuân còn non – xuân sẽ già

Xuân hết – tôi cũng mất

==> Kết cấu lặp, điệp từ “nghĩa là” vừa giải thích, vừa bộc lộ sự lo lắng, hốt hoảng trước sự trôi chảy của thời gian.

- Thiên nhiên đối kháng với con người: “*Lòng tôi rộng – lượng trời cứ chật; Xuân tuần hoàn – tuổi trẻ chẳng hia lần; Còn trời đất – chẳng còn tôi mãi*”

-> Hình ảnh đối lập, giọng thở than u buồn

- Nhà thơ cảm nhận được cái vô hạn của thời gian, của thiên nhiên đất trời với cái hữu hạn ngắn ngủi của đời người nên xót xa nuối tiếc.

“Mùi năm tháng đều... than thâm tiễn biệt

Cơn gió xinh thì thào ... phai tàn, sắp sửa”

-> Sự nuối tiếc thấm sâu vào cảnh vật, tâm hồn vì tất cả rồi sẽ tàn phai, chia li và biến mất một cuộc ra đi vĩnh viễn.

“Chẳng bao giờ ôi chẳng bao giờ nữa”

-> Điệp ngữ, tiếng thở dài luyến tiếc tuyệt vọng

3. Khát vọng sống, khát vọng cuồng nhiệt hối hả.

- *Mau đi thôi!* ... -> Lời giục giã vội vàng: hãy sống, hãy chiêm ngưỡng, hưởng thụ.

- *Ta muốn* ... -> khát vọng thật táo bạo, mãnh liệt.

- Các động từ mạnh: *ôm, riết, say, thâu, cắn* ...

=> Tình cảm thật mãnh liệt biến thành hành động cụ thể – thể hiện tình yêu cuồng nhiệt, đắm say; một tấm lòng ham sống, khát sống. Chính tình yêu đó đem lại một luồng sinh khí cho vạn vật, đất trời.

- Điệp từ “*cho*” (cho chuênch choáng ... cho đã đầy... cho no nê ...)

-> Cảm xúc càng lúc càng cuồng nhiệt, tham lam, vồ vập hơn – hưởng thụ thỏa thuê hương sắc của cuộc sống.

- “*Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi!*”

-> Thể hiện sự dâng trào đỉnh cao của cảm xúc – Mùa xuân được nhân hóa như một thực thể, nhân vật trữ tình muốn chiếm lĩnh, tận hưởng bằng tất cả năng lực

=> Lòng đắm say, vồ vập, một khát vọng còn cao muốn chiếm đoạt tất cả hương vị của cuộc đời.

==> Sống vội vàng, cuồng quít không có nghĩa là ích kỷ, tầm thường, thụ động, mà đó là cách sống biết cống hiến, biết hưởng thụ. Đó là quan niệm sống mới mẻ, tích cực chưa từng thấy trong thơ ca truyền thống.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- Sự kết hợp giữa mạch cảm xúc và mạch luận lí
- Cách nhìn, cách cảm mới và những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ
- Sử dụng ngôn từ, nhịp điệu dồn dập, sôi nổi, hối hả, cuồng nhiệt...

2. Nội dung: sgk (ghi nhớ)

3. Ý nghĩa : Quan niệm nhân sinh, quan niệm thẩm mỹ mới mẻ của Xuân Diệu – nghệ sĩ của niềm khát khao giao cảm với đời

Bài 2: TRÀNG GIANG (Huy Cận)

I. Tác giả, tác phẩm:

1. **Tác giả** : Huy Cận là nhà thơ lớn, một trong những đại biểu xuất sắc của phong trào thơ mới với hồn thơ ảo não

- Thơ Huy Cận hàm súc, giàu chất suy tưởng triết lí

2. **Tác phẩm:**

- Xuất xứ : rút từ tập Lửa thiêng(1939)

- Nhan đề : So sánh tên gọi Tràng giang với Trường giang

II. Nội dung, nghệ thuật của bài thơ :

1. Lời đề từ:

Cảm hứng chủ đạo được tác giả nói rõ: *Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài (H.C)*

=> Toàn bộ cảm xúc chi phối cảm hứng sáng tác của tác giả → chìa khoá để hiểu bài thơ.

2. **Khổ thơ 1: Dòng tràng giang**

- Mở đầu bài thơ bằng cảnh sông nước mênh mông bất tận “Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp”

+ Điệp văn “ang” gợi lên sự mênh mông bất tận.

+ Buồn “Điệp điệp” từ láy->gợi nỗi buồn miên man trải dài vô tận, không dứt.

=> Câu thơ không chỉ nói sông, nước mà nói một nỗi buồn bất tận.

- “Con thuyền xuôi mái nước song song”. Con thuyền là hình ảnh tượng trưng cho cuộc đời lênh đênh, trôi nổi, vô định. Thuyền và nước chỉ song song với nhau mà không gắn bó với nhau. Thuyền đi với dòng để rồi chia li với dòng.

- Hình ảnh gợi sự chia lìa, rồi lại “củi một cành khô lạc mấy dòng”

-> Hình ảnh nhỏ bé mong manh, trôi nổi trên dòng sông, gợi liên tưởng đến kiếp người trôi nổi trên dòng đời vô định.

<=> **Khổ thơ vẽ lên một không gian bao la, vô định, rời rạc, hờ hững với một con thuyền, một nhánh củi lênh đênh gợi cảm giác buồn mênh mông, mang tâm trạng thời đại.**

3. **Khổ thơ 2: Không gian Tràng Giang ba chiều**

- Bổ sung vào bức tranh sông nước các hình ảnh bé bỏng trong trạng thái tàn rụi “*lơ thơ cồn nhỏ, gió đìu hiu, làng xa vắng chỢ chiều*”

- Âm thanh cuộc sống nhưng không làm cho cảnh vật bớt vắng vẻ mà càng làm cho bức tranh thiên nhiên càng mênh mang, hiu quạnh hơn

- Âm hưởng của các từ láy *lơ thơ, đìu hiu* gợi ra một không gian tâm tưởng:

- *Nắng xuống trời lên sâu chót vót*

Sông dài, trời rộng, bến cô liêu ...

-> Câu thơ có giá trị tạo hình đặc sắc : mở ra một không gian đa chiều : ta như thấy sông thêm dài, trời thêm cao và rộng hơn, bến sông ấy như thêm cô liêu, con người càng thêm cô đơn, bé nhỏ, rợn ngợp trước vũ trụ rộng lớn, vĩnh hằng.

4. **Khổ thơ 3: Dòng tràng giang với nỗi buồn chia lìa xa vắng**

- Hình ảnh “bèo dạt về đâu hàng nối hàng” -> càng khắc sâu nỗi buồn về sự vô định, phó mặc, bất lực trước cuộc đời. Đây cũng là tâm trạng chung của các nhà thơ mới trong những năm ngọt ngào dưới thời thuộc Pháp.

- Điệp từ “không” (không cầu, không chuyển đồ): gợi sự thiếu vắng, trống trải, không có tín hiệu của sự giao hòa, thân mật – Đường như Huy Cận muốn phủ nhận tất cả những gì thuộc về con người - khắc sâu ấn tượng về sự chia lìa, tan tác.

- “Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng” -> thiên nhiên đẹp nhưng thiếu vắng hình dáng con người.

<=> **Nỗi buồn ở bài thơ này không chỉ là nỗi buồn mệnh mang trước trời rộng sông dài mà còn là nỗi buồn nhân thế, nỗi buồn trước cuộc đời.**

5. Khổ thơ 4: Tâm trạng nhớ nhà, nhớ quê hương

- Nhà thơ mượn một số cách diễn đạt của thơ Đường mà vẫn giữ được nét riêng biệt của thơ mới và hồn thơ Huy Cận.

+ “Lớp lớp mây cao đùn núi bạc” tạo ấn tượng về sự hùng vĩ của thiên nhiên.

+ “Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa” – thời gian đã biến chuyển, hoàng hôn buông xuống và cánh chim đơn lẻ trong buổi chiều tà dễ gợi nỗi buồn xa vắng – nỗi buồn nhớ quê hương.

+ “*Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*”

So sánh với hai câu thơ của Thôi Hiệu: “Nhật mộ hương quan hà xứ thị

Yên ba giang thượng sử nhân sầu”

Ta thấy với Huy Cận không cần có khói sóng trên sông vẫn nhớ quê nhà da diết

-> Tình cảm quê hương sâu nặng, thường trực, cháy bỏng.

=> Đứng trước cảnh sông nước bao la, những đợt sóng xa bờ tí tắp, thi nhân như đang soi mình xuống dòng sông, thấm thía một nỗi buồn bơ vơ, lặng lẽ thả hồn mình về với quê hương.

<=> **Nét cổ điển mà hiện đại trong thơ Huy Cận. Nỗi nhớ da diết của một cái tôi lãng mạn. Đó chính là lòng yêu nước thầm kín của Huy Cận trước cảnh ngộ đất nước mất chủ quyền.**

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- Sự kết hợp hài hòa giữa sắc thái cổ điển và hiện đại (sự xuất hiện của cái tưởng như tầm thường, vô nghĩa và cảm xúc buồn mang dấu ấn cái tôi cá nhân...)

- Nghệ thuật đối, bút pháp tả cảnh giàu tính tạo hình, hệ thống từ láy giàu giá trị biểu cảm (lơ thơ, đìu hiu, chót vót..)

2. Nội dung: Sgk

3. Ý nghĩa: Vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên, nỗi sầu của cái tôi cô đơn trước vũ trụ rộng lớn, niềm khát khao hòa nhập với cuộc đời và lòng yêu quê hương đất nước tha thiết của tác giả

Bài 3: ĐÂY THÔN VĨ DẠ (Hàn Mặc Tử)

I. Tác giả, tác phẩm:

1. **Tác giả** : Hàn Mặc Tử là người có số phận bất hạnh. Ông là một trong những nhà thơ có sức sáng tạo mãnh liệt trong phong trào Thơ mới “ngôi sao chổi trên bầu trời thơ Việt Nam” (Chế Lan Viên)

2. **Tác phẩm**: Viết năm 1938 in trong tập Thơ Điên, được khơi nguồn cảm hứng từ môi tình đơn phương của Hàn Mặc Tử với Hoàng Thị Kim Cúc

II. Nội dung, nghệ thuật của bài thơ :

1. Khổ thơ 1. Cảnh ban mai thôn Vĩ và tình người tha thiết.

- Câu thơ mở đầu: Sao anh không về chơi thôn Vĩ

+ Hình thức: câu hỏi.

+ Nội dung: lời mời, lời trách móc. Chủ thể trữ tình tự phân thân, tự giải bày tâm trạng: nuối tiếc, nhớ mong.

- Bức tranh thôn Vĩ được khắc hoạ tươi đẹp, sống động.

+ Hình ảnh: *Nắng hàng cau - Nắng mới.*

→ Nắng ban mai buổi hừng đông tinh khiết trong làn chiếu lên những hàng cau còn ớt dầm sương đêm. Nắng có linh hồn riêng. Nắng mang hồn xứ Huế.

+ Sự lặp lại 2 lần từ “nắng” khiến câu thơ tràn ngập ánh sáng. Thiên nhiên sống động rạng ngời, gợi cảm giác khoẻ khoắn, ấm áp.

+ Đại từ phiếm chỉ “ai” gợi cái ám ảnh thương nhớ.

+ “*Xanh như ngọc*”: Biện pháp so sánh gợi lên màu sắc tươi sáng của vườn cây.

+ “*Mặt chữ điền*”: khuôn mặt hiền lành phúc hậu.

⇒ **Vẻ đẹp: cảnh và người xứ Huế. Bức tranh thiên nhiên đẹp, thơ mộng, tràn đầy sức sống, đầy ắp ánh sáng, có màu sắc, có đường nét. Hình ảnh con người: dịu dàng e ấp. Tiếng nói băng khuâng rạo rục của một tâm hồn yêu đời, khát sống, hướng về cái trong trẻo, thánh thiện.**

2. Khổ thơ 2. Cảnh hoàng hôn thôn Vĩ và niềm đau cô lẻ, chia lìa

- *Gió, mây, sông nước, hoa* được nhân cách hoá để nói tâm trạng.

- Cái ngược đường của *gió, mây* gợi sự chia ly đôi ngả --> nỗi đau thân phận xa cách, chia lìa.

⇒ Không gian trống vắng, thời gian như ngừng lại, cảnh vật hờ hững với con người.

- Hình ảnh thơ không xác định: “*Thuyền ai*”, “*sông trăng*” → Cảm giác huyền ảo; Cảnh đẹp như trong cõi mộng.

- Câu hỏi tu từ ẩn chứa một nỗi mong chờ tha thiết, đồng thời cũng chứa đầy nỗi phấp phỏng hoài nghi. Không gian mênh mông có đủ cả *gió, mây, sông, nước, trăng, hoa* ==> **Cảnh đẹp nhưng buồn vô hạn.**

4. Khổ thơ 3. Nỗi niềm thôn Vĩ

- Mơ khách đường xa khách đường xa....sương khói mờ nhân ảnh

+ Chủ thể: Đây khát vọng trong tiếng gọi

+ Khách thể: hư ảo, nhạt nhoà, xa xôi. Câu thơ hàm chứa nỗi cô đơn, trống vắng trong một tâm hồn tha thiết yêu thương con người và thiết tha với cuộc đời – tìm vào thế giới hư ảo như một cứu cánh nhưng hụt hẫng, xót xa..

+ Điệp từ, điệp ngữ,

+ Nhạc điệu sâu lắng và buồn mênh mang.

- Câu hỏi” ai biết tình ai có đậm đà” lửng lơ nửa ghen ngạo, nửa trách móc.

+ Chân dung nội tâm của tác giả: Khao khát yêu thương, đồng cảm.

+ Đại từ phiếm chỉ : ai / tình ai ?

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- Trí tưởng tượng phong phú

- Nghệ thuật so sánh, nhân hóa, thủ pháp lấy động gợi tĩnh, sử dụng câu hỏi tu từ...

- Hình ảnh sáng tạo có sự hòa quyện giữa thực và ảo

2. Nội dung: SGK

3. Ý nghĩa: Bức tranh phong cảnh Vĩ Dạ và lòng yêu đời, ham sống mãnh liệt mà đầy uẩn khúc của nhà thơ

Bài 4: TỪ ẤY (Tố Hữu)

I. Tìm hiểu chung:

1. Tác giả :

- Tố Hữu được đánh giá là : lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam hiện đại.

- Thơ trữ tình – chính trị : thể hiện lẽ sống , lí tưởng, tình cảm cách mạng của con người Việt Nam hiện đại nhưng mang đậm chất dân tộc, truyền thống.

2. Tác phẩm: Thuộc phần Máu lửa của tập Từ ấy(71 bài), sáng tác tháng 7 năm 1938, đánh dấu mốc quan trọng trong cuộc đời Tố Hữu.

II. Nội dung, nghệ thuật của bài thơ :

1. Khổ 1. Niềm vui sướng, say mê khi gặp lí tưởng của Đảng, cách mạng.

Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ

Mặt trời chân lí chói qua tim

Hồn tôi là một vườn hoa lá

Rất đậm hương và rộn tiếng chim...

- Hình ảnh ẩn dụ : *nắng hạ, mặt trời chân lí, chói qua tim*. Khẳng định lí tưởng cộng sản như một nguồn sáng mới làm bừng sáng tâm hồn nhà thơ.

- Hình ảnh ẩn dụ và so sánh : *Hồn tôi- vườn hoa lá - đậm hương – rộn tiếng chim*.

→ Diễn tả niềm vui sướng, say mê nồng nhiệt của nhà thơ khi bắt gặp lí tưởng mới.

2. Khổ 2. Nhận thức mới về lẽ sống.

Tôi buộc lòng tôi với mọi người

Để tình trang trải với muôn nơi

Để hồn tôi với bao hồn khổ

Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời.

- Sự gắn bó hài hoà giữa *cái tôi* cá nhân với *cái ta* chung của xã hội - đặc biệt là với những người lao động nghèo khổ.

+ Buộc: Ý thức tự nguyện, quyết tâm cao độ.

+ Trang trải: Tâm hồn trải rộng với cuộc đời, tạo sự đồng cảm sâu sắc.

+ Trăm nơi: Hoán dụ – chỉ mọi người sống ở khắp nơi.

+ Khôi đời: Ẩn dụ – Khôi người đông đảo cùng chung cảnh ngộ, đoàn kết chặt chẽ, cùng phấn đấu vì mục tiêu chung.

- Nhà thơ đã đặt mình giữa dòng đời và môi trường rộng lớn của quần chúng lao khổ và ở đó Tố Hữu đã tìm thấy niềm vui và sức mạnh không chỉ bằng nhận thức mà còn bằng tình cảm mến yêu của trái tim nhân ái.

3. Khổ 3. Sự chuyển biến trong tình cảm.

Tôi đã là con của vạn nhà

Là em của vạn kiếp phôi pha

Là anh của vạn đầu em nhỏ

Không áo cơm, cù bắt cù bơ...

- Điệp từ: là, của, vạn...

- Đại từ nhân xưng: Con, em, anh

- Số từ ước lệ: vạn. Nhấn mạnh và khẳng định một tình cảm gia đình đầm ấm, thân thiết, gắn bó ruột thịt. Sự cảm nhận sâu sắc mình là thành viên của đại gia đình quần chúng lao khổ. Sự biểu hiện xúc động, chân thành khi nói tới những kiếp người bất hạnh, dãi dầu sương gió.

III. Tổng kết:

1. **Nghệ thuật:** Hình ảnh tươi sáng giàu ý nghĩa tượng trưng ; ngôn ngữ giàu nhạc điệu ; giọng thơ sáng khoái, nhịp điệu thơ hăm hở,...

2. **Nội dung:** SGK

3. **Ý nghĩa văn bản:** Niềm vui lớn, lẽ sống lớn, tình cảm lớn trong buổi đầu gặp gỡ lí tưởng cộng sản.

Bài 5: “CHIỀU TỐI (MỘ)[Nhật kí trong tù]” (Hồ Chí Minh)

I. Tìm hiểu chung.

1. Hoàn cảnh ra đời : Nhật kí trong tù

- Là tập nhật kí viết bằng thơ, được Bác sáng tác trong thời gian bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam từ tháng 8/1942 – 9/1943 tại tỉnh Quảng Tây.

- Tập thơ gồm 134 bài bằng chữ Hán(chủ yếu là thơ thất ngôn tứ tuyệt)

2. Giá trị cơ bản :

- Bức tranh nhà tù và một phần xã hội trung hoa dân quốc

- Bức chân dung tự họa của con người Hồ Chí Minh : bậc đại nhân, đại trí , đại dũng

3. Vị trí bài thơ

Bài thứ 31 của tập nhật kí trong tù, sáng tác cuối mùa thu 1942, trên đường đi đày từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo

II. Nội dung, nghệ thuật của bài thơ :

1. Bức tranh thiên nhiên chiều muộn nơi núi rừng. [Tĩnh cổ điển]

Quyện điều quy lâm tâm túc thụ,
Cô vân mạn mạn độ thiên không ;

- Cảnh chim mệt mỏi tìm chốn ngủ và chòm mây cô đơn trôi lững lờ giữa tầng không. Đây cũng là cảnh thực trong cảm nhận của tù nhân – thi sĩ (*chuyển động của cánh chim, chòm mây lẽ về trạng thái yên nghỉ >< tù nhân nơi đất khách quê người trong cảnh chiều tà mong mỏi chốn bình yên : quê hương, gia đình...*)

- Hai câu đầu thể hiện vẽ đẹp tâm hồn, tình yêu thiên nhiên và phong thái ung dung tự tại của Bác.

2. Bức tranh cuộc sống sinh hoạt của con người. [Tĩnh hiện đại]

Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.

- Vẻ đẹp khỏe khoắn của người thiếu nữ xóm núi đang xay ngô bên lò than. Cuộc sống đời thường đã đem đến cho người tù hơi ấm, niềm vui (*Thiếu nữ dịch cô em chưa sát*)

- Sự vận động của tự nhiên cũng là sự vận động của tư tưởng, hình tượng thơ Hồ Chí Minh : chiều chuyển dần sang tối nhưng bức tranh thơ lại mở ra bằng ánh sáng rực hồng (*chữ hồng là nhãn tự, làm sáng bừng cả bài thơ, làm ấm áp bức tranh và ấm áp lòng người*). (*nguyên tác không có chữ tối, bản dịch có phá vỡ nét đẹp của câu thơ*)

- Con người là trung tâm của bức tranh. Cùng với sự vận động của thời gian là sự vận động của mạch thơ, tư tưởng người làm thơ : từ tối đến sáng, từ tàn lụi đến sinh sôi, từ buồn sang vui, từ lạnh lẽo cô đơn sang ấm nóng tình người.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật: Từ ngữ cô đọng, hàm súc; Thủ pháp đối lập, điệp liên hoàn.

2. Nội dung: SGK

3. Ý nghĩa: Vẽ đẹp tâm hồn và nhân cách nghệ sĩ – chiến sĩ Hồ Chí Minh; yêu thiên nhiên, yêu con người, yêu cuộc sống, kiên cường vượt lên hoàn cảnh, luôn ung dung, tự tại và lạc quan trong mọi cảnh ngộ đời sống

II. CÁC ĐỀ BÀI:

Đề 1. Thiên nhiên và cuộc sống xung quanh ta, qua cách nhìn của Xuân Diệu (trong bài thơ Vội vàng) hiện ra như thế nào? Những hình ảnh nào đã dệt nên bức tranh thiên nhiên và sự sống đó?

Đề 2. Xuân Diệu đã nhận thức như thế nào về thời gian? (Trong bài thơ Vội vàng)

Đề 3. Anh / chị cảm nhận gì về phong cảnh Tràng giang (Tràng giang - Huy Cận)

Đề 4. Tràng giang là một bài thơ vừa cổ điển vừa hiện đại.

Đề 5. Đây thôn Vĩ Dạ là bài thơ tả cảnh hay tả tình?

**** Lưu ý: Các em chọn 1 trong 5 đề làm bài viết số 2 tại nhà.***

Khi đi học lại nộp bài cho cô

Chúc các em học nghiêm túc.